

UBND TỈNH BẮC NINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KTCTTL BẮC ĐƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 426/BD-TCHC
V/v Công bố thông tin doanh nghiệp
theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP

Từ Sơn, ngày 21 tháng 5 năm 2021

Kính gửi:

- Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đương báo cáo nội dung công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định gồm những phần sau:

1. Bảng cân đối kế toán.
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, VT.



Nguyễn Văn Ty

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUÔNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300109040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Địa chỉ: Số 582 đường Trần Phú, P.Đình Bảng, TX.Từ Sơn, Bắc Ninh.

CHỦ TỊCH CÔNG TY, BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Chủ tịch Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

Ông: Nguyễn Văn Ty

Chủ tịch

Các thành viên của Ban Lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Nhu Tuấn

Giám đốc

Ông: Nguyễn Trang

Phó Giám đốc

Ông: Nguyễn Tất Hoàn

Phó Giám đốc

Ông: Đào Tiến Lân

Phó Giám đốc

Ông: Phạm Ngọc Sơn

Phó Giám đốc

Ông: Trần Trọng Thiêm

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/4/2020

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Thanh

Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống
Địa chỉ: Số 582 đường Trần Phú, P. Đình Bảng, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Ty
Chủ tịch

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2021



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

A: Tòa nhà ASCO, Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
T: 0243 793 0960 - F: 0243 793 1349 - E: asco@asco.vn - W: www.asco.vn

Số: 04/2021/ASCO/BCKT-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Lãnh đạo Công ty
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống được lập ngày 03 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang thực hiện ghi nhận và trình bày Chi phí sản xuất trong năm vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn" số tiền: 2.862.000.000 đồng, thay vì hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm làm cho lợi nhuận của Công ty tăng lên một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1629-2018-149-1
Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1479-2020-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94.458.400.059	109.960.512.935
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.193.417.718	2.926.150.050
111	1. Tiền		14.193.417.718	2.926.150.050
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		79.426.690.173	106.087.774.360
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	2.354.654.282	1.796.056.355
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	74.043.013.813	102.306.420.428
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	3.029.022.078	1.985.297.577
140	III. Hàng tồn kho	07	695.269.668	713.621.025
141	1. Hàng tồn kho		695.269.668	713.621.025
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		143.022.500	232.967.500
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	143.022.500	232.967.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.813.117.685.519	1.682.817.158.570
220	I. Tài sản cố định		1.079.466.125.203	981.873.367.220
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	1.079.466.125.203	981.873.367.220
222	- Nguyên giá		1.173.256.189.013	1.065.683.167.206
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.790.063.810)	(83.809.799.986)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		304.466.000	304.466.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(304.466.000)	(304.466.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	08	733.651.560.316	700.943.791.350
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		2.862.000.000	8.220.675.232
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		730.789.560.316	692.723.116.118
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.907.576.085.578	1.792.777.671.505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.165.416.976	15.269.635.025
310	I. Nợ ngắn hạn		24.165.416.976	15.269.635.025
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	10.204.129.455	5.689.523.443
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	554.504.268	273.897.979
314	3. Phải trả người lao động		-	968.418.000
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	14	12.663.425.140	5.251.158.724
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		743.358.113	3.086.636.879
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.883.410.668.602	1.777.508.036.480
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	1.883.201.350.102	1.777.298.717.980
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.091.280.289.788	994.067.385.981
411a	Có đồng phổ thông có quyền biểu quyết		1.091.280.289.788	994.067.385.981
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(400.241.268)	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(400.241.268)	-
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		792.321.301.582	783.231.331.999
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		209.318.500	209.318.500
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		209.318.500	209.318.500
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.907.576.085.578	1.792.777.671.505

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Trần Trọng Thiêm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	145.857.210.194	128.643.962.863
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		145.857.210.194	128.643.962.863
11	4. Giá vốn hàng bán	17	135.538.537.426	119.984.271.783
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.318.672.768	8.659.691.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	26.287.111	75.683.436
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	10.765.565.691	9.112.378.261
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(420.605.812)	(377.003.745)
31	11. Thunhập khác	20	41.454.544	394.883.745
32	12. Chi phí khác	21	21.090.000	17.880.000
40	13. Lợi nhuận khác		20.364.544	377.003.745
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(400.241.268)	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(400.241.268)	-

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch



Nguyễn Thị Thu Huyền



Trần Trọng Thiêm



Nguyễn Văn Ty

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MA số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(400.241.268)	-
	2. Điều chỉnh cho các khoản		9.953.976.713	9.920.289.480
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.980.263.824	9.995.972.916
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.287.111)	(75.683.436)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.553.735.445	9.920.289.480
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		26.661.084.187	(29.618.239.529)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.351.357	(43.990.771)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.239.060.717	(3.429.094.196)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		89.945.000	(86.717.500)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.665.705.759	106.256.138.446
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.919.014.942)	(10.013.890.545)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		54.308.867.523	72.984.495.385
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.067.886.966)	(78.922.942.515)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.287.111	75.683.436
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(43.041.599.855)	(78.847.259.079)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.267.267.668	(5.862.763.694)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.926.150.050	8.788.913.744
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	14.193.417.718	2.926.150.050

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Trần Trọng Thiêm

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Chủ tịch



Nguyễn Văn Ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300109040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 582 đường Trần Phú, P.Đình Bảng, TX.Từ Sơn, Bắc Ninh.

Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ khai thác các công trình thủy lợi, tưới tiêu nước nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đề điều, kênh mương; Giám sát công trình thủy lợi đến cấp I.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống - Xi nghiệp Dịch vụ Tư vấn và Xây dựng	Bắc Ninh	Tư vấn, thiết kế, sửa chữa công trình thủy lợi
Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Từ Sơn	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Tiên Du	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Yên Phong	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xi nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Quế Võ	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xi nghiệp Đầu mối Trịnh Xá - Long Từ	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT - BTC ngày 13/10/2016 và các quy định khác có liên quan, các tài sản còn lại được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của

2.14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17. Thông tin bộ phận

Do công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thủy lợi và diễn ra chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.156.950.560	278.723.791
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.036.467.158	2.647.426.259
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u>14.193.417.718</u>	<u>2.926.150.050</u>

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Nội	2.331.130.392	-	1.772.532.465	-
- UBND huyện Gia Lâm	23.523.890	-	23.523.890	-
	<u>2.354.654.282</u>	<u>-</u>	<u>1.796.056.355</u>	<u>-</u>

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Châu Cầu	20.619.383.000	-	20.619.383.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị	11.439.367.000	-	11.439.367.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Dương	9.585.863.000	-	9.585.863.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Techco	7.937.586.000	-	7.937.586.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	6.971.972.000	-	12.178.799.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Tiến Thịnh	3.929.783.000	-	7.723.553.000	-
- Công ty TNHH TMH Xây dựng Thanh Lợi	4.386.653.000	-	7.560.140.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Văn tài Thảo Mạnh	150.000	-	8.207.160.000	-
- Các khoản trả trước khác	9.172.256.813	-	17.048.569.428	-
	<u>74.043.013.813</u>	<u>-</u>	<u>102.306.420.428</u>	<u>-</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân sách cấp	353.178.000	-	353.178.000	-
- Các Xi nghiệp [tam ứng kinh phí]	2.625.618.883	-	373.446.461	-
- Công ty Đại Giang (TNHH) [tam ứng ngân sách]	-	-	762.000.000	-
- Phải thu khác	50.225.195	-	496.673.116	-
	<u>3.029.022.078</u>	<u>-</u>	<u>1.985.297.577</u>	<u>-</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	685.872.602	-	704.223.959	-
- Công cụ, dụng cụ	9.397.066	-	9.397.066	-
	<u>695.269.668</u>	<u>-</u>	<u>713.621.025</u>	<u>-</u>

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Chi phí dở dang các công trình/dự án	2.862.000.000	-	8.220.675.232	-
	<u>2.862.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.220.675.232</u>	<u>-</u>

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Xây dựng cơ bản dở dang		
Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê (i)	211.015.254.500	211.015.254.500
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh (ii)	98.800.148.127	70.065.274.000
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hâu (iii)	62.145.695.061	62.145.691.750
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên (iv)	52.146.600.000	52.146.600.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 (v)	38.101.630.692	32.395.507.000
Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc (vi)	31.542.134.700	18.339.438.610
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Lương Tân (vii)	31.102.571.000	31.088.412.000
Các dự án khác	204.935.526.236	215.526.938.258
	<u>730.789.560.316</u>	<u>692.723.116.118</u>

(i) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê

- Địa điểm: Sông Ngũ Huyện Khê - Bắc Ninh;
- Mục đích: Nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ, tạo hồ điều hòa điều tiết, tưới tiêu và tạo cảnh quan môi trường; phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 11/12/2015.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Xây dựng khu nhà quản lý trạm bơm Đăng Xá, 05 cống dọc hai bên bờ sông, đập điều tiết Phú Lâm, củng cố mặt đê và hoàn thiện các dốc lên đê, kè gia cố mái sông;
- Tổng mức đầu tư: 69,294 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2009 đến hết năm 2016;
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

(ii) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Nạo vét, hoàn thiện hệ thống kênh tiêu và công trình trên kênh phê duyệt tại Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Xây dựng trạm bơm tiêu Hữu Chấp với quy mô 05 tổ máy bơm chìm đứng, lưu lượng mỗi tổ máy là $Q=18.000m^3/h$. Các hạng mục xây dựng bao gồm: Nhà trạm, nhà quản lý, bể hút, bể xả, cống qua đê, lấp đất hoàn chỉnh các tổ máy bơm, đường dây trung áp, trạm biến áp và các công trình phụ trợ sân vườn, đường nội bộ, cống, tường rào, bảo vệ;
- Tổng mức đầu tư: 279,952 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2021;
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng;

(iii) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hâu

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Xây dựng trạm bơm Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 28/10/2010.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Tháo dỡ trạm biến áp hiện có để giải phóng mặt bằng thi công nhà trạm, xây dựng trạm biến áp mới đặt trong khu quản lý, trạm biến áp xây dựng mới gồm 1 máy biến áp công suất 1000kVA-10(22)/0,4kV, và 1 máy biến áp có công suất 320kVA-22/0,4kV, nguồn điện cao thế cấp cho trạm bơm được sử dụng đường dây 22kV hiện có, kéo bổ sung đường dây 22kV từ cột cuối đến trạm biến áp mới có chiều dài 40m phê duyệt tại Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 24/3/2016.
- Tổng mức đầu tư: 92,902 tỷ đồng.
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành trước 31/12/2017.
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng

(iv) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Để phục vụ tiêu, thoát nước cho lưu vực trong quá trình thi công trạm bơm Xuân Viên phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28/07/2017.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước.
- Quy mô dự án: Bổ sung lấp đất trạm bơm, xây dựng cống mới, bổ sung xây dựng cửa lấy nước từ bể xả trạm bơm Xuân Viên nối tiếp vào cống tưới hiện có, mở rộng bờ kênh kết hợp đường giao thông đoạn từ điều tiết cống tưới đầu kênh N4 đến điểm giao cắt với đường mặt đê Hữu Cầu, nạo vét, khơi thông đoạn từ cuối kênh tiêu Xuân Viên Đông và kênh tiêu Hữu Chấp.
- Tổng mức đầu tư: 67.232 tỷ đồng.
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành năm 2018.
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng

(v) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Để phục vụ tiêu, thoát nước cho lưu vực trong quá trình thi công trạm bơm Xuân Viên phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28/07/2017;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Bổ sung lắp đặt trạm bơm, xây dựng cống mới, bổ sung xây dựng cửa lấy nước từ bể xả trạm bơm Xuân Viên nối tiếp vào cống tưới hiện có, mở rộng bờ kênh kết hợp đường giao thông đoạn từ điều tiết cống tưới đầu kênh N4 đến điểm giao cắt với đường mải đề Hữu Cầu, nạo vét, khơi thông đoạn từ cuối kênh tiêu Xuân Viên Đông và kênh tiêu Hữu Cháp;
- Tổng mức đầu tư: 67,232 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành năm 2018;
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

(vi) Tên dự án: Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1

- Địa điểm: Xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 theo Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Điều chỉnh thiết kế xây dựng một số hạng mục công trình, nhà máy, bể hút, bể xả, kênh xả, cống xả tiêu qua đê, cống xả tưới, cống cuối kênh T1, cống cuối kênh T2, cầu máng dẫn nước tưới phê duyệt tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Tổng mức đầu tư: 64,051 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2020;
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

(vii) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Lương Tân

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, vận hành kênh và giao thông phụ vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân địa phương, giữ ổn định bờ kênh và phục vụ giao thông;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Bổ sung tường kè và củng cố bờ hữu kênh đoạn từ điều tiết K17 đến thôn Đông Thôn, bổ sung tường kè mà mở rộng mặt bờ tả kênh tưới chính Lương Tân, đoạn từ K0+00:K0+190, xây dựng tường chắn đất phía ao phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 23/01/2017;
- Tổng mức đầu tư: 43,405 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2020;
- Tình trạng của Dự án đến 31/12/2020: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCD dùng trong quản lý	TSCD hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	781.604.463.154	279.697.663.027	2.388.627.000	976.095.147	1.016.318.878	1.065.683.167.206
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.360.118.000	-	-	-	-	10.360.118.000
- Tăng do nhận bàn giao từ Nhà nước	76.267.936.807	20.944.967.000	-	-	-	97.212.903.807
- Giảm do hạch toán trùng (TM 15)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	868.232.517.961	300.642.630.027	2.388.627.000	976.095.147	1.016.318.878	1.173.256.189.013
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	41.616.333.743	39.340.844.162	1.427.279.031	815.551.827	609.791.223	83.809.799.986
- Khấu hao trong năm	3.794.865.276	5.582.515.414	382.930.740	16.688.570	203.263.824	9.980.263.824
Số dư cuối năm	45.411.199.019	44.923.359.576	1.810.209.771	832.240.397	813.055.047	93.790.063.810
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	739.988.129.411	240.356.818.865	961.347.969	160.543.320	406.527.655	981.873.367.220
Tại ngày cuối năm	822.821.318.942	255.719.270.451	578.417.229	143.854.750	203.263.831	1.079.466.125.203

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

20.781.913.135 VND

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống
Địa chỉ: Số 582 đường Trần Phú, P.Đình Bảng, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá	304.466.000	304.466.000
Số dư đầu năm	304.466.000	304.466.000
Số dư cuối năm		
Giá trị hao mòn lũy kế	304.466.000	304.466.000
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong năm	304.466.000	304.466.000
Số dư cuối năm		
Giá trị còn lại	-	-
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm		

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 304.466.000 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	143.022.500	232.967.500
	143.022.500	232.967.500

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải và Xây dựng Nguyễn Nguyễn	3.445.658.000	3.445.658.000	1.307.473.000	1.307.473.000
- Công ty Xây dựng Tiến Cường (TNHH)	565.942.122	565.942.122	2.354.937.000	2.354.937.000
- Phải trả các đối tượng khác	6.192.529.333	6.192.529.333	2.027.113.443	2.027.113.443
	10.204.129.455	10.204.129.455	5.689.523.443	5.689.523.443
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	10.204.129.455	10.204.129.455	5.689.523.443	5.689.523.443
- Phải trả người bán dài hạn				
	10.204.129.455	10.204.129.455	5.689.523.443	5.689.523.443

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	237.351.184	1.040.493.153	766.374.503	-	511.469.834
- Thuế thu nhập cá nhân	-	36.546.795	100.092.756	93.605.117	-	43.034.434
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.095.336.274	1.095.336.274	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	-	273.897.979	2.244.922.183	1.964.315.894	-	554.504.268

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	577	566
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<i>Phải trả phải nộp nhận ký quỹ, chi phí đối nguồn Công ty</i>	<i>7.091.337.083</i>	<i>3.824.966.755</i>
<i>Phải trả phải nộp chi phí nguồn Ban QLCT</i>	<i>3.625.211.568</i>	<i>134.021.799</i>
<i>Phải trả phải nộp hoạt động nước</i>	<i>22.104.000</i>	<i>874.177.000</i>
<i>Phải trả phải nộp nguồn Chi nhánh</i>	<i>1.924.771.912</i>	<i>417.992.604</i>
	12.663.425.140	5.251.158.724

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	972.287.927.292	-	687.001.193.553	1.659.289.120.845
Tăng vốn trong	26.039.583.689	-	139.346.202.336	165.385.786.025
Giảm do quyết toán hoàn thành	-	-	(43.116.063.890)	(43.116.063.890)
Giảm khác [do hạch toán trùng] (ii)	(4.260.125.000)	-	-	(4.260.125.000)
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	994.067.385.981	-	783.231.331.999	1.777.298.717.980
Số dư đầu năm nay	994.067.385.981	-	783.231.331.999	1.777.298.717.980
Tăng vốn trong năm nay (i)	97.212.903.807	-	108.122.821.583	205.335.725.390
Giảm do quyết toán hoàn thành	-	-	(99.032.852.000)	(99.032.852.000)
Lợi nhuận năm nay		(400.241.268)	-	(400.241.268)
Số dư cuối năm nay	1.091.280.289.788	(400.241.268)	792.321.301.582	1.883.201.350.102

(i) Ghi nhận tăng vốn theo các Quyết định bàn giao tài sản từ UBND tỉnh Bắc Ninh và Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Giá trị công trình (trạm bơm Đặng Xá, Kênh tưới B72, Trạm bơm Dương Xá, Kênh Kim Đồi 9) đã được hạch toán tăng năm 2017, tuy nhiên do nhầm lẫn nên năm 2018 Công ty tiếp tục ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ. Do đó, năm 2019 Công ty thực hiện điều chỉnh giảm cho phù hợp với thực tế.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	1.091.280.289.788	100%	994.067.385.981	100%
	1.091.280.289.788	100%	994.067.385.981	100%

16. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.857.210.194	128.643.962.863
	<u>145.857.210.194</u>	<u>128.643.962.863</u>

17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	135.538.537.426	119.984.271.783
	<u>135.538.537.426</u>	<u>119.984.271.783</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.287.111	75.683.436
	<u>26.287.111</u>	<u>75.683.436</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	430.728.000	380.213.100
Chi phí nhân công	7.882.483.476	7.781.590.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	256.081.068	256.081.068
Chi phí khác bằng tiền	2.196.273.147	694.493.248
	<u>10.765.565.691</u>	<u>9.112.378.261</u>

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập cho thuê mặt bằng	41.454.544	41.454.544
Thu nhập khác	-	353.429.201
	<u>41.454.544</u>	<u>394.883.745</u>

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế bảo vệ thương mại thông	19.440.000	14.580.000
Chi phí khác	1.650.000	3.300.000
	<u>21.090.000</u>	<u>17.880.000</u>

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.193.417.718	-	2.926.150.050	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.383.676.360	-	3.781.353.932	-
	19.577.094.078	-	6.707.503.982	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	22.867.554.595	10.940.682.167
	22.867.554.595	10.940.682.167

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.193.417.718	-	-	14.193.417.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.383.676.360	-	-	5.383.676.360
	19.577.094.078	-	-	19.577.094.078
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.926.150.050	-	-	2.926.150.050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.781.353.932	-	-	3.781.353.932
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	6.707.503.982	-	-	6.707.503.982

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bắc Đuống

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 582 đường Trần Phú, P. Đình Bảng, TX. Từ Sơn, Bắc Ninh Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	22.867.554.595	-	-	22.867.554.595
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	22.867.554.595	-	-	22.867.554.595
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	10.940.682.167	-	-	10.940.682.167
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	10.940.682.167	-	-	10.940.682.167

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Nhận bản giao tài sản cố định ghi tăng vốn	97.212.903.807	26.039.583.689

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.792.635.000	1.634.594.745

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASCO (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO) kiểm toán.

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch








Nguyễn Văn Ty

Nguyễn Thị Thu Huyền

Trần Trọng Thiêm